

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: **53/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/10/2021

V/v: “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Dương Thị Thanh Thúy

Ông Trần Văn Hưng

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Mai Chiên Trực

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Lan- Kiểm sát viên.

-----  
Ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

*\* Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1967 (có mặt)

Nơi cư trú: khu phố 3, phường T, thành phố BT, tỉnh BT

*\* Bị đơn:* Anh **Đoàn Văn T2**, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: khu phố 3, phường T, thành phố BT, tỉnh BT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị T1 trình bày:*

Chị và anh T2 kết hôn năm 1990, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, thành phố BT năm 1990. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh năm 2006, nguyên nhân do chồng chị thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới đánh đập chị, hiện sống không có trách

nhiệm với gia đình dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai vợ chồng không có bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng... Anh chị ly thân từ 2013 đến nay. Hiện nay tình cảm của chị đối với chồng không còn, nay chị xin được ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu tên Đoàn Tú Tr, sinh ngày 27/8/1992 và Đoàn Phúc A, sinh ngày 11/9/2006. Chị T1 xin được nuôi cháu An và yêu cầu anh T2 cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng. Cháu Tr hiện đã trưởng thành

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận

Về nợ chung: chị T1 không có.

**\* Anh T2 trình bày:** Anh thừa nhận lời trình bày của chị T1 về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian đầu, mâu thuẫn phát sinh như vợ anh trình bày. Hai anh chị không có bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chị ly thân từ năm 2013 đến nay. Hiện nay tình cảm của anh đối với vợ vẫn còn. Nay anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu tên Đoàn Tú Tr, sinh ngày 27/8/1992 và Đoàn Phúc A, sinh ngày 11/9/2006. Anh đồng ý để chị T1 nuôi cháu An. Anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Cháu Tr hiện đã trưởng thành

Về tài sản chung: có 01 căn nhà số 153C khu phố 3, phường 7, thành phố Bến Tre và phần đất nền nhà có diện tích 193m<sup>2</sup>. Các tài sản khác là của vợ anh, anh không yêu cầu chia.

Về nợ chung: anh T2 khai không có.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Chị T1 được tiếp tục nuôi con chung, ghi nhận anh T2 đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, nợ chung không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 15/3/2021 chị Nguyễn Thị T1 có đơn xin ly hôn với anh Đoàn Văn T2, anh T2 đang cư trú tại thành phố Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, anh T2 có mặt tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng những lần Tòa triệu tập sau đó anh vắng mặt không lý do. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa cho anh T2 để tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T2 là phù hợp.

[3] Chị Nguyễn Thị T1 và anh Đoàn Văn T2 kết hôn năm 1990, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, thị xã BT (nay là phường A H, thành phố BT) tỉnh Bến Tre. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh năm 2006, nguyên nhân do anh T2 thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới đánh đập chị T1, hiện anh T2 sống không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai vợ chồng và hai bên gia đình không có bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng... Anh chị ly thân từ 2013 đến nay. Hiện nay tình cảm của chị T1 đối với anh T2 không còn. Nay chị cương quyết xin được ly hôn.

Anh T2 thừa nhận lời trình bày của chị T1 về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân và biện pháp hàn gắn gia đình. Tuy nhiên anh cho rằng hiện nay tình cảm của anh đối với vợ vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn. Mâu thuẫn giữa hai anh chị là có thật, đã diễn ra trong thời gian dài nhưng hai anh chị không hàn gắn được, thời gian đầu anh T2 còn đến Tòa để hòa giải nhưng sau đó anh không đến Tòa và cũng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T1.

[4] Về con chung: có 02 cháu tên Đoàn Tú Tr, sinh ngày 27/8/1992 và Đoàn Phúc A, sinh ngày 11/9/2006. Chị T1 xin được nuôi cháu A, anh T2 cũng đồng ý để chị T1 nuôi cháu A. Anh T2 đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Cháu A cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó nghĩ nên giao cháu A cho chị T1 nuôi dưỡng là phù hợp với qui định của pháp luật. Riêng cháu Tr hiện đã trưởng thành

[5] Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận.

Ngày 03/6/2021 anh T2 có đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là 01 căn nhà số 153C khu phố 3, phường 7, thành phố Bến Tre và phần đất nền nhà có diện

tích 193m<sup>2</sup> thuộc thửa số 7 tờ bản đồ 21 tọa lạc tại phường 7 thành phố BT với giá trị là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) cùng ngày Tòa án đã tổng đạt thông báo cho anh nộp tiền tạm ứng án phí và tạm ứng chi phí tố tụng nhưng anh không nộp theo qui định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không thụ lý giải quyết đối với yêu cầu này của anh. Bên cạnh đó ngày 09/7/2021 giữa chị T1 và anh T2 có làm tờ thỏa thuận về tài sản trong đó thể hiện anh chị để lại toàn bộ tài sản cho các con. Do đó nghĩ không xem xét, giải quyết về phân tài sản trong vụ kiện này nếu có các bên có tranh chấp sẽ được xem xét thụ lý giải quyết khi có yêu cầu.

[6] Về nợ chung: Hai anh chị khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng chị T1 phải nộp. Án phí cấp dưỡng anh T2 phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56; 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T1, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân:* chị **Nguyễn Thị T1** được ly hôn với anh **Đoàn Văn T2**

- *Về con chung:* có 02 cháu tên Đoàn Tú Tr, sinh ngày 27/8/1992 và Đoàn Phúc A, sinh ngày 11/9/2006.

Chị T1 được tiếp tục nuôi cháu Đoàn Phúc A, sinh ngày 11/9/2006.

Ghi nhận việc anh T2 đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Không bên nào được ngăn cản quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Cháu Đoàn Tú Tr, sinh ngày 27/8/1992 hiện đã trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Hai anh chị tự thỏa thuận.

- *Về nợ chung*: Hai anh chị khai không có nên không xem xét giải quyết

*Về án phí*: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm chị T1 phải nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005341 ngày 25/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Chị T1 đã nộp đủ án phí. Anh T2 phải nộp án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND phường AH, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự; Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Duy Phong**

**\* Chị T1 trình bày:** Chị và anh T2 kết hôn năm 1990, hôn nhân do cả hai tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, thành phố Bến Tre năm 1990. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh năm 2006, nguyên nhân do chồng tôi thường xuyên nhậu nhẹt về chửi bới đánh đập tôi, hiện sống không có trách nhiệm với gia đình dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hai vợ chồng và hai bên gia đình có bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng... Anh chỉ ly thân từ 2013 đến nay. Hiện nay tình cảm của chị đối với chồng không còn, nay chị xin được ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu tên Đoàn Tú Trinh, sinh ngày 27/8/1992 và Đoàn Phúc An, sinh ngày 11/9/2006. Chị T1 xin được nuôi cháu An và yêu cầu anh T2 cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng. Cháu Trinh hiện đã trưởng thành

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận

Về nợ chung: chị T1 không có.

**\* Anh T2 trình bày:** Anh thừa nhận lời trình bày của chị T1 về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau kết hôn cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc thời gian đầu, mâu thuẫn phát sinh như vợ tôi trình bày. Hai bên không có bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh chỉ ly thân từ năm 2013 đến nay. Hiện nay tình cảm của anh đối với vợ vẫn còn. Nay anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu tên Đoàn Tú Trinh, sinh ngày 27/8/1992 và Đoàn Phúc An, sinh ngày 11/9/2006. Tôi đồng ý để vợ tôi nuôi cháu An. Tôi đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Cháu Trinh hiện đã trưởng thành

Về tài sản chung: có 01 căn nhà số 153C khu phố 3, phường 7, thành phố Bến Tre và phần đất nền nhà có diện tích 193m<sup>2</sup>. Các tài sản khác là của vợ tôi tôi không yêu cầu chia.

Về nợ chung: anh T2 khai không có.

## **NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ ĐƯỢC CÁC ĐƯƠNG SỰ**

### **THÔNG NHẤT, KHÔNG THÔNG NHẤT**

Về hôn nhân: Chị T1 cương quyết xin ly hôn. Anh T2 không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 cháu tên Đoàn Tú Trinh, sinh ngày 27/8/1992 và Đoàn Phúc An, sinh ngày 11/9/2006. Tôi đồng ý để vợ tôi nuôi cháu An. Tôi đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Cháu Trinh hiện đã trưởng thành

Không ai được ngăn cản quyền đếm thăm nom, chăm sóc và giáo dục con

chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T2 cho rằng tài sản chung và nhà và đất anh yêu cầu chia đôi, chị T1 không đồng ý chia đất vì đây là tài sản riêng của chị T1, còn nhà là tài sản chung của vợ chồng nhưng chị chấp nhận để lại sau này cho con.

Về nợ chung: hai vợ chồng đều khai không có nên tòa án không xem xét.

Anh T2 sẽ làm đơn và cung cấp các chứng cứ chứng minh về tài sản và nợ cho Tòa vào ngày 10/5/2021

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà  
Lư Ngọc Thiên An - Kiểm sát viên.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phát biểu  
quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn. Chị Xuân được tiếp tục nuôi con chung, ghi nhận việc chị không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung chị Xuân khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.



